

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

11/2023

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106507713 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/04/2014, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/12/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/12/2017 là 700.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn). Vốn thực góp đến 31/12/2017 là 640.247.217.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Thái Phong Nhã	Chủ tịch HĐQT
Bà Thái Thị Ý	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên HĐQT

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khánh Quyền	Phó Tổng Giám đốc

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Thái Hưng – Tổng Giám đốc.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Lê Thái Hưng**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

Số: 1604/2018/BCKTHN/IAV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn được lập ngày 16 tháng 04 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Hữu Hoàn**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2417-2018-283-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

**Nguyễn Thị Nhâm**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4030-2018-283-1

11/04/2018 09:00

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>296.525.396.250</b>	<b>130.324.781.922</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>22.268.149.334</b>	<b>4.413.308.966</b>
1. Tiền	111		21.624.536.314	4.413.308.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		643.613.020	-
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>5.579.060.000</b>	<b>32.491.700.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.586.864.181	9.880.824.353
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(7.804.181)	(389.124.353)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	23.000.000.000
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>265.700.882.709</b>	<b>84.523.512.282</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	55.841.964.491	14.863.625.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	13.708.901.304	21.319.156.805
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	114.057.530.973	47.867.921.600
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	83.075.845.596	1.436.168.332
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.068.000.000)	(1.048.000.000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		84.640.345	84.640.345
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.647.060.160</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.647.060.160	-
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.330.244.047</b>	<b>8.896.260.674</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.275.640.047	50.496.386
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	8.835.745.150
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	54.604.000	10.019.138
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.344.474.563.241</b>	<b>954.073.103.044</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>774.542.245</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	774.542.245	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.272.922.903.370</b>	<b>470.268.563.876</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.270.525.821.805	470.180.268.458
- Nguyên giá	222		1.543.597.398.253	516.921.260.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273.071.576.448)	(46.740.992.199)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.397.081.565	88.295.418
- Nguyên giá	228		3.878.286.916	115.167.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.481.205.351)	(26.872.519)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.487.727.727</b>	<b>362.220.427.753</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.487.727.727	362.220.427.753
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>-</b>	<b>56.531.241.123</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	56.531.241.123
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.289.389.899</b>	<b>65.052.870.292</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	12.830.300.563	1.965.631.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		381.543.462	-
3. Lợi thế thương mại	269	5.12	56.077.545.874	63.087.239.108
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.640.999.959.491</b>	<b>1.084.397.884.966</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>719.874.620.416</b>	<b>582.199.165.374</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>275.871.834.068</b>	<b>147.521.982.076</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	59.135.348.855	13.345.785.566
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.835.893	308.869.893
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	7.514.111.926	3.479.110.322
4. Phải trả người lao động	314		4.002.967.842	2.050.284.506
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	8.467.327.160	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	89.301.903.812	641.514.158
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	104.421.792.537	126.654.190.353
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.018.546.043	1.042.227.278
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>444.002.786.348</b>	<b>434.677.183.298</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.14	3.390.556.786	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	440.562.862.993	434.509.348.868
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		49.366.569	167.834.430
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>921.125.339.075</b>	<b>502.198.719.592</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>921.125.339.075</b>	<b>502.198.719.592</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		640.247.217.000	370.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		640.247.217.000	370.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.285.108.010	1.180.216.879
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.537.775.343	12.705.995.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.508.227.195)	(14.586.360.307)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		63.046.002.538	27.292.355.383
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		393.713.491	112.919.075
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		212.661.525.231	118.199.588.562
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.640.999.959.491</b>	<b>1.084.397.884.966</b>



Lê Thái Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

*Mường*

Đỗ Thu Hương  
Kế toán trưởng

*Mường*

Đỗ Thu Hương  
Người lập biểu

M.S.D.N: 0106507713-C.T.C.P. Q. NAM TỪ LIÊM - T.P. HÀ NỘI



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	192.903.747.684	77.705.525.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		192.903.747.684	77.705.525.998
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	91.851.384.495	27.663.044.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.052.363.189	50.042.481.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.160.462.392	3.923.728.927
7. Chi phí tài chính	22	6.4	42.249.624.761	32.287.681.759
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		41.897.408.780	31.584.010.838
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		7.014.877.846	28.358.582.535
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	20.602.767.086	17.812.307.332
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.375.311.580	32.224.804.082
12. Thu nhập khác	31	6.6	8.577.007.534	2.604.000
13. Chi phí khác	32	6.7	10.062.600.296	246.020.426
14. Lợi nhuận khác	40		(1.485.592.762)	(243.416.426)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.889.718.818	31.981.387.656
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.438.712.620	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(444.965.819)	167.834.430
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.895.972.017	31.813.553.226
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		41.190.925.169	29.126.969.397
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		14.705.046.848	2.686.583.829
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	770	801
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	770	801



Lê Thái Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

Hương

Đỗ Thu Hương  
Kế toán trưởng

Hương

Đỗ Thu Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Đơn vị tính: VND	
Chi tiêu	MS	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>59.889.718.818</b>	<b>31.981.387.656</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	71.967.126.915	24.247.640.342
- Các khoản dự phòng	03	(361.320.172)	389.124.353
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(24.204)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.244.916.151)	(3.923.728.927)
- Chi phí lãi vay	06	41.897.408.780	31.584.010.838
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>171.147.993.986</b>	<b>84.278.434.262</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(167.827.093.667)	52.422.732.058
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.054.541.314)	171.150.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	202.806.239.140	52.196.663.017
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(22.441.903.517)	(1.672.353.914)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(4.380.824.353)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(42.759.501.401)	(31.584.010.838)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.644.547.307)	(133.464.119)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>136.226.645.920</b>	<b>151.298.326.113</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(65.903.959.560)	(264.636.367.665)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.600.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.129.609.372)	(267.991.640.606)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.940.000.000	178.087.860.292
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(212.674.362.690)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.889.658.040	211.113.890
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(313.278.273.582)</b>	<b>(354.329.034.089)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2017	Năm 2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	271.107.217.000	38.900.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	515.047.804.660	558.478.318.472
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(591.248.577.834)	(392.402.003.017)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>194.906.443.826</b>	<b>204.976.315.455</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>17.854.816.164</b>	<b>1.945.607.479</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.413.308.966</b>	<b>2.467.701.487</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	24.204	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>22.268.149.334</b>	<b>4.413.308.966</b>



Lê Thái Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

Hương

Đỗ Thu Hương  
Kế toán trưởng

Hương

Đỗ Thu Hương  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106507713 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/04/2014, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/12/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/12/2017 là 700.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn). Vốn thực góp đến 31/12/2017 là 640.247.217.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ toà nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị bề mặt liên quan;
- Các công việc dưới bề mặt;
- Xây dựng bể bơi ngoài trời;
- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà;
- Thuê cần trục có người điều khiển;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu; Các xưởng hóa chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê; Xây dựng đường hầm; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;  
Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như;
- Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và các chất phụ gia khác;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

##### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con) được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ.

Các số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Khi Công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: Khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: Khoản đầu tư còn lại được trình bày theo phương pháp giá gốc và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản, công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc, được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Giá gốc của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi thế kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu và được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính: đối với chương trình phần mềm là 05 năm; đối với giấy phép nhượng quyền - quyền chuyển nhượng mở đá là 05 năm; đối với tài sản vô hình khác là 06 năm.

### 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí giải phóng mặt bằng*

Là các khoản chi phí hỗ trợ chính sách đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Châu Thắng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 20 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Là chi phí sửa chữa công trình thủy điện Bản Cốc được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian hoạt động của dự án.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.14 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.16 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.17 Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### 4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	8.923.150.809	2.048.797.762
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.701.385.505	2.364.511.204
Các khoản tương đương tiền	643.613.020	-
<b>Cộng</b>	<b>22.268.149.334</b>	<b>4.413.308.966</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN  
 Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**5.2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý VND
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>5.586.864.181</b>	<b>(7.804.181)</b>	<b>5.579.060.000</b>	<b>9.880.824.353</b>	<b>9.491.700.000</b>
Cổ phiếu SSI	-	-	-	3.174.855.153	2.979.200.000
Cổ phiếu VCG	-	-	-	1.205.969.200	1.012.500.000
Cổ phiếu KBC	86.864.181	(7.804.181)	79.060.000	-	-
Cổ phiếu CT7	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.586.864.181</b>	<b>(7.804.181)</b>	<b>5.579.060.000</b>	<b>9.880.824.353</b>	<b>9.491.700.000</b>

**5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>

**5.2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2017			01/01/2017	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận thuần VND	Tổng VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận thuần VND
Công ty CP Thủy điện Quê Phong	-	-	-	41.021.767.210	15.509.473.913
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.021.767.210</b>	<b>15.509.473.913</b>
					56.531.241.123
					<b>56.531.241.123</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	20.921.553.648	-	5.857.359.497	-
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	-	-	6.582.537.859	-
Công ty Điện lực Nghệ An	1.602.963.967	-	2.087.869.087	-
Công ty CP Năng lượng Sơn Vũ	31.377.550.159	-	-	-
Các đối tượng khác	1.939.896.717	(20.000.000)	335.858.757	-
<b>Cộng</b>	<b>55.841.964.491</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>14.863.625.200</b>	<b>-</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-	<b>14.727.589.582</b>	-
Công ty CP Prime Trung Tín	-	-	14.727.589.582	-
<b>Trả trước cho các bên khác</b>	<b>13.708.901.304</b>	<b>(1.048.000.000)</b>	<b>6.591.567.223</b>	<b>(1.048.000.000)</b>
Viện thủy điện và năng lượng tái tạo	998.000.000	(998.000.000)	998.000.000	(998.000.000)
Công ty CP Xây dựng 18	2.431.645.403	-	-	-
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng HEC	1.732.265.043	-	-	-
Các đối tượng khác	8.546.990.858	(50.000.000)	5.593.567.223	(50.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>13.708.901.304</b>	<b>(1.048.000.000)</b>	<b>21.319.156.805</b>	<b>(1.048.000.000)</b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Cho vay các bên liên quan</b>	<b>113.257.530.973</b>	-	<b>47.867.921.600</b>	-
Ông Thái Phong Nhã	88.987.921.600	-	42.367.921.600	-
Ông Lê Thái Hưng	23.127.609.373	-	5.500.000.000	-
Ông Đặng Khánh Quyền	1.142.000.000	-	-	-
<b>Cho vay các bên khác</b>	<b>800.000.000</b>	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>114.057.530.973</b>	<b>-</b>	<b>47.867.921.600</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.6 Phải thu khác

#### 5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	707.102.100	-	-	-
Kinh phí công đoàn	27.775.779	-	47.420.506	-
Bảo hiểm xã hội	356.234	-	-	-
Tiền tạm ứng cho CBNV Công ty TNHH MTV Thủy điện Tiên Phong (i)	2.038.241.904	-	1.339.919.023	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lôi (ii)	60.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lôi (ii)	20.000.000.000	-	-	-
Các khoản khác	302.369.579	-	48.828.803	-
<b>Cộng</b>	<b>83.075.845.596</b>	<b>-</b>	<b>1.436.168.332</b>	<b>-</b>

(i) Khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01.2017/HĐUTĐT ngày 09/05/2017 giữa Công ty CP 471 và Công ty CP Prime Quế Phong:

- Công ty CP 471 ủy thác cho Công ty CP Prime Quế Phong tham gia góp vốn đầu tư vào dự án Nhà máy thủy điện Tiên Phong với phương án góp 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Tiên Phong với tổng số vốn là 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn ủy thác là 01 năm kể từ ngày Công ty CP 471 chuyển tiền ủy thác (ngày 02/06/2017);
- Đến ngày đáo hạn của khoản ủy thác, Công ty CP 471 có trách nhiệm chuyển nhượng phần vốn góp nói trên cho Công ty CP Prime Quế Phong theo nguyên giá;
- Công ty CP 471 không phải trả phí ủy thác đầu tư và quản lý, chỉ phải trả các khoản thuế phát sinh (nếu có) từ việc ủy thác và chuyển nhượng vốn góp.
- Trong thời gian nhận ủy thác, Công ty CP Prime Quế Phong được quyền làm chủ sở hữu đối với số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Tiên Phong, nhưng không được chuyển nhượng, chuyển giao, cầm cố hoặc thực hiện quyền định đoạt khác đối với số vốn góp và quyền lợi phát sinh từ số vốn góp nêu trên.

(ii) Khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2017/HĐUTĐT ngày 09/05/2017 giữa bên ủy thác Công ty CP 471 và bên nhận ủy thác Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn:

- Công ty CP 471 ủy thác cho Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn tham gia góp vốn đầu tư vào dự án Nhà máy thủy điện Ca Lôi với phương án góp 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lôi với tổng số vốn góp là 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn ủy thác là 01 năm kể từ ngày Công ty CP 471 chuyển tiền ủy thác (ngày 10/05/2017);
- Đến ngày đáo hạn của khoản ủy thác, Công ty CP 471 có trách nhiệm chuyển nhượng phần vốn góp nói trên cho Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn theo nguyên giá;
- Công ty CP 471 không phải trả phí ủy thác đầu tư và quản lý, chỉ phải trả các khoản thuế phát sinh (nếu có) từ việc ủy thác và chuyển nhượng vốn góp.
- Trong thời gian nhận ủy thác, Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn được quyền làm chủ sở hữu đối với số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lôi, nhưng không được chuyển nhượng, chuyển giao, cầm cố hoặc thực hiện quyền định đoạt khác đối với số vốn góp và quyền lợi phát sinh từ số vốn góp nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	774.542.245	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>774.542.245</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	175.827.800	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.413.181	-	-	-
Thành phẩm	1.440.819.179	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.647.060.160</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.459.608	-
Chi phí bảo hiểm cho dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Cắn	280.301.025	269.998
Chi phí cải tạo sau lũ 2017	992.191.083	-
Các khoản khác	1.688.331	50.226.388
<b>Cộng</b>	<b>1.275.640.047</b>	<b>50.496.386</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	783.348.384	167.205.149
Chi phí sửa chữa đường giao thông	69.696.970	1.066.710.029
Chi phí hỗ trợ chính sách đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Châu Thắng	1.932.504.000	-
Chi phí sửa chữa công trình thủy điện Bản Cốc	8.391.948.082	-
Các khoản khác	1.652.803.127	731.716.006
<b>Cộng</b>	<b>12.830.300.563</b>	<b>1.965.631.184</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SON

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tăng, giảm TSCĐ hữu hình	Nhà cửa, vật	Máy móc,	Phương tiện vận	Thiết bị, dụng	TSCĐ khác	Tổng cộng
	kiến trúc	thiết bị	tài, truyền dẫn	cụ quản lý	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>492.688.310.139</b>	<b>2.727.450.238</b>	<b>212.722.413</b>	-	<b>21.292.777.867</b>	<b>516.921.260.657</b>
Mua trong kỳ	1.024.758.681	144.780.000	7.416.880.000	-	-	8.586.418.681
Đầu tư XD/CB hoàn thành	246.371.209.045	186.483.299.882	-	-	318.181.818	433.172.690.745
Tăng khác	451.241.499.895	132.638.196.476	1.727.012.727	120.818.182	-	585.727.527.280
Giảm khác	(810.499.110)	-	-	-	-	(810.499.110)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>1.190.515.278.650</b>	<b>321.993.726.596</b>	<b>9.356.615.140</b>	<b>120.818.182</b>	<b>21.610.959.685</b>	<b>1.543.597.398.253</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>29.975.032.406</b>	<b>426.559.919</b>	<b>226.997.330</b>	-	<b>16.112.402.544</b>	<b>46.740.992.199</b>
Khấu hao trong kỳ	43.678.360.317	17.164.132.708	1.404.581.730	8.452.609	2.163.385.653	64.418.913.017
Tăng khác	104.458.956.536	56.949.800.468	401.821.383	101.092.845	-	161.911.671.232
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>178.112.349.259</b>	<b>74.540.493.095</b>	<b>2.033.400.443</b>	<b>109.545.454</b>	<b>18.275.788.197</b>	<b>273.071.576.448</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>462.713.277.733</b>	<b>2.300.890.319</b>	<b>(14.274.917)</b>	-	<b>5.180.375.323</b>	<b>470.180.268.458</b>
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>1.012.402.929.391</b>	<b>247.453.233.501</b>	<b>7.323.214.697</b>	<b>11.272.728</b>	<b>3.335.171.488</b>	<b>1.270.525.821.805</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.196.341.093.960  
1.627.577.564

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.10 Tăng, giảm TSCĐ vô hình**

	Chương trình phần mềm VND	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2017	115.167.937	-	-	115.167.937
Tăng khác	211.349.384	1.924.000.000	1.627.769.595	3.763.118.979
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>326.517.321</b>	<b>1.924.000.000</b>	<b>1.627.769.595</b>	<b>3.878.286.916</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư tại 01/01/2017	26.872.519	-	-	26.872.519
Khấu hao trong năm	30.703.464	240.500.001	203.471.199	474.674.664
Tăng khác	173.000.000	264.068.303	542.589.865	979.658.168
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>230.575.983</b>	<b>504.568.304</b>	<b>746.061.064</b>	<b>1.481.205.351</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2017	88.295.418	-	-	88.295.418
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>95.941.338</b>	<b>1.419.431.696</b>	<b>881.708.531</b>	<b>2.397.081.565</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay -
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 173.000.000

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>1.487.727.727</b>	<b>362.220.427.753</b>
Dự án thủy điện Tiên Phong	-	2.022.329.922
Dự án thủy điện Châu Thắng	-	355.516.238.532
Dự án Nậm Săm 1A	1.305.909.545	-
Dự án Thông Thụ	181.818.182	-
Nhà máy thủy điện Bản Cánh	-	57.555.000
Dự án thủy điện Ca Lôi	-	4.624.304.299
<b>Cộng</b>	<b>1.487.727.727</b>	<b>362.220.427.753</b>

**5.12 Lợi thế thương mại**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	63.087.239.108	70.096.932.343
Lợi thế thương mại tăng trong năm	63.846.000	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(7.073.539.234)	(7.009.693.235)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.077.545.874</b>	<b>63.087.239.108</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>13.055.104.634</b>	<b>13.055.104.634</b>	<b>1.058.381.031</b>	<b>1.058.381.031</b>
Công ty CP Prime Trung Tín	13.055.104.634	13.055.104.634	1.058.381.031	1.058.381.031
<b>Phải trả các bên khác</b>	<b>46.080.244.221</b>	<b>46.080.244.221</b>	<b>12.287.404.535</b>	<b>12.287.404.535</b>
Andritz hydro Private Limited	-	-	1.714.116.633	1.714.116.633
Công ty TNHH Nhà nước MTV cơ khí Quang Trung	-	-	1.522.935.295	1.522.935.295
Công ty TNHH Thiên Xứng	2.059.298.363	2.059.298.363	-	-
Công ty CP Cơ điện và Xây lắp thủy lợi NA	1.169.422.212	1.169.422.212	1.169.422.212	1.169.422.212
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	-	-	3.282.756.838	3.282.756.838
Chi nhánh Xí nghiệp tập thể thương binh đoàn Sao vàng	1.818.196.500	1.818.196.500	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	41.033.327.146	41.033.327.146	4.598.173.557	4.598.173.557
<b>Cộng</b>	<b>59.135.348.855</b>	<b>59.135.348.855</b>	<b>13.345.785.566</b>	<b>13.345.785.566</b>

**5.14 Chi phí phải trả****5.14.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	957.498.139	-
Các khoản khác	7.509.829.021	-
<b>Cộng</b>	<b>8.467.327.160</b>	<b>-</b>

**5.14.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Lãi vay quá hạn	2.616.014.041	-
Trích trước chi phí cải tạo môi trường mỏ đá Pù Càng	774.542.745	-
<b>Cộng</b>	<b>3.390.556.786</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.15 Phải trả khác ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	29.150.540	29.150.540	2.404.100	2.404.100
Bảo hiểm xã hội	2.958.824	2.958.824	32.734.798	32.734.798
Bảo hiểm y tế	277.351	277.351	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	120.400	120.400	-	-
Công ty CP 471 (i)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
Phải trả về cổ tức	9.160.186.000	9.160.186.000	600.000.000	600.000.000
Phải trả khác	109.210.697	109.210.697	6.375.260	6.375.260
<b>Cộng</b>	<b>89.301.903.812</b>	<b>89.301.903.812</b>	<b>641.514.158</b>	<b>641.514.158</b>

(i) Chi tiết tại 5.6.1 - Phải thu ngắn hạn khác.

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu cuối kỳ VND		Số đã thực nộp trong kỳ VND		Số phải nộp trong kỳ VND		Số phải thu đầu kỳ VND		Số phải nộp đầu kỳ VND	
	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	2.428.756.274	17.082.074.352	16.934.997.455	-	-	-	2.575.833.171	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.049.565	3.049.565	-	-	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.000.000	2.429.744.435	2.644.547.307	5.030.706.880	6.415.138	6.415.138	2.604.000	190.833.997	-	
Thuế thu nhập cá nhân	2.604.000	278.106.309	230.538.170	317.810.482	2.604.000	2.604.000	2.604.000	480.253.074	-	
Thuế tài nguyên	-	1.842.977.068	14.243.824.242	15.606.548.236	-	-	-	-	-	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	23.690.000	23.690.000	-	-	-	-	-	
Các loại thuế khác	2.000.000	-	10.088.930	9.088.930	1.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	534.527.840	1.816.721.008	2.119.058.768	-	-	-	232.190.080	-	
<b>Cộng</b>	<b>54.604.000</b>	<b>7.514.111.926</b>	<b>36.054.533.574</b>	<b>40.044.950.316</b>	<b>10.019.138</b>	<b>10.019.138</b>	<b>3.479.110.322</b>	<b>3.479.110.322</b>	<b>3.479.110.322</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính****5.17.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>18.246.192.537</b>	<b>18.246.192.537</b>	<b>497.540.373.240</b>	<b>569.588.371.056</b>	<b>90.294.190.353</b>	<b>90.294.190.353</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thạch Thất	-	-	428.924.062.934	455.933.605.490	27.009.542.556	27.009.542.556
Công ty CP Chứng khoán MB - Chi nhánh Hà Nội	-	-	3.498.068.504	3.498.068.504	-	-
Công ty CP 471	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty CP Prime Trung Tin	10.754.137.824	10.754.137.824	19.710.779.230	26.395.000.000	17.438.358.594	17.438.358.594
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	-	-	43.217.462.571	77.783.493.222	34.566.030.651	34.566.030.651
Vay đối tượng khác	1.992.054.713	1.992.054.713	2.190.000.001	5.978.203.840	5.780.258.552	5.780.258.552
<b>b) Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>86.175.600.000</b>	<b>86.175.600.000</b>	<b>102.784.300.000</b>	<b>52.968.700.000</b>	<b>36.360.000.000</b>	<b>36.360.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phù Quỳ	2.400.000.000	2.400.000.000	5.110.000.000	2.710.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An	18.531.600.000	18.531.600.000	32.430.300.000	13.898.700.000	-	-
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nghệ An	28.884.000.000	28.884.000.000	28.884.000.000	-	-	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	36.360.000.000	36.360.000.000	36.360.000.000	36.360.000.000	36.360.000.000	36.360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>104.421.792.537</b>	<b>104.421.792.537</b>	<b>600.324.673.240</b>	<b>622.557.071.056</b>	<b>126.654.190.353</b>	<b>126.654.190.353</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.17.2 Vay dài hạn**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phù Quỳ	11.843.542.750	11.843.542.750	15.723.542.750	3.880.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An	46.345.135.015	46.345.135.015	64.876.735.015	18.531.600.000	-	-
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nghệ An (i)	215.451.345.104	215.451.345.104	25.383.836.360	43.959.000.000	234.026.508.744	234.026.508.744
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (ii)	163.661.951.763	163.661.951.763	-	36.360.000.000	200.021.951.763	200.021.951.763
Vay đối tượng khác	3.260.888.361	3.260.888.361	10.000.000.000	7.200.000.000	460.888.361	460.888.361
<b>Cộng</b>	<b>440.562.862.993</b>	<b>440.562.862.993</b>	<b>115.984.114.125</b>	<b>109.930.600.000</b>	<b>434.509.348.868</b>	<b>434.509.348.868</b>

**5.17.3 Vay các bên liên quan**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ông Thái Phong Nhà Ông Đặng Khánh Quyền	1.992.054.713	1.992.054.713	200.000.000	200.000.000	1.992.054.713	1.992.054.713
	-	-	1.990.000.000	5.778.203.840	3.788.203.840	3.788.203.840
<b>Cộng</b>	<b>1.992.054.713</b>	<b>1.992.054.713</b>	<b>2.190.000.000</b>	<b>5.978.203.840</b>	<b>5.780.258.553</b>	<b>5.780.258.553</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SON  
Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

- (i) Khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng phát triển Nghệ An theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 35/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 13 tháng 8 năm 2015:
- Hạn mức cho vay: 260 tỷ đồng;
  - Thời hạn cho vay tối đa: 10,5 năm (126 tháng) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời điểm trả nợ gốc cuối cùng của dự án; Thời gian ân hạn: 1,5 năm (18 tháng) kể từ thời điểm ký HĐTD nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của Dự án;
  - Lãi suất cho vay: Là lãi suất của ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể tại Bảng kê rút vốn vay và Khế ước nhận nợ vay; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,55%/năm;
  - Thời hạn thanh toán nợ gốc: 09 năm (108 tháng) kể từ thời điểm kết thúc thời hạn ân hạn; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 02/2017; Mức trả nợ gốc mỗi kỳ: 2.407.000.000VND/tháng; tháng cuối cùng trả hết dư nợ còn lại;
  - Thời hạn thanh toán lãi vay: Bên đi vay trả lãi kể từ khi phát sinh dự nợ và trả theo hàng tháng, tiền lãi được tính tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày vay thực tế (x) nhân với lãi suất năm chia (:) cho 360 (ngày);
  - Mục đích sử dụng vốn vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây dựng thiết bị, theo QĐ phê duyệt điều chỉnh số 18.6/HĐQT-QĐ15 ngày 18/6/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Prime Quê Phong, tỉnh Nghệ An;
  - Các tài sản thế chấp: Là tài sản hình thành từ vốn vay - Dự án thủy điện Châu Thằng.
- (ii) Khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An theo Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 36/2014/HĐCVLVNN-NHPT-NAN ngày 26/11/2014 và các Phụ lục kèm theo:
- Vốn vay JICA: 300 tỷ đồng;
  - Lãi suất áp dụng: Lãi suất theo từng lần giải ngân;
  - Thời hạn cho vay: Tối đa 120 tháng kể từ ngày giải khoản vay đầu tiên;
  - Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ hàng tháng trong 99 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên là tháng 5/2015; Mức trả nợ 3.030 triệu đồng/ tháng, tháng cuối cùng trả hết số dư còn lại;
  - Mục đích sử dụng tiền vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư cho các hạng mục xây dựng, thiết bị của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án số 20/QĐ-ENC-12 ngày 28/6/2012 và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư điều chỉnh số 49/2012/ENC ngày 04/9/2012 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện sông Nậm Cắn;
  - Biện pháp bảo đảm:
    - + Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Nậm Cắn 2 và thế chấp, cầm cố tài sản khác tối thiểu 10% tổng số vốn vay thuộc sở hữu của các cổ đông sáng lập Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn;
    - + Các thỏa thuận cụ thể về bảo đảm tiền vay được quy định trong Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 39/2013/HĐTCTS-NHPT ngày 28/8/2013, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 37/2014/HĐSĐBSHĐTC - NHPT -NAN ngày 26/11/2014, Hợp đồng cầm cố tài sản số 40/2013/HĐCC - NHPTVN; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng cầm cố tài sản số 38/2014/HĐSĐBSHĐCC - NHPTVN ngày 26/11/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SON

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND						
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>331.100.000.000</b>		<b>52.965.647</b>	<b>26.482.824</b>	<b>(14.586.519.819)</b>	<b>112.919.075</b>	<b>116.367.285.220</b>	<b>433.073.132.947</b>
Tăng vốn trong năm trước	38.900.000.000		-	-	29.126.969.397	-	2.686.583.829	38.900.000.000
Lãi trong năm trước	-		-	-	-	-	-	31.813.553.226
Trích lập quỹ	-		1.127.251.232	-	-	-	-	1.127.251.232
Giảm khác	-		-	(26.482.824)	(1.834.454.502)	-	(854.280.487)	(2.715.217.813)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>370.000.000.000</b>		<b>1.180.216.879</b>	<b>-</b>	<b>12.705.995.076</b>	<b>112.919.075</b>	<b>118.199.588.562</b>	<b>502.198.719.592</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>370.000.000.000</b>		<b>1.180.216.879</b>	<b>-</b>	<b>12.705.995.076</b>	<b>112.919.075</b>	<b>118.199.588.562</b>	<b>502.198.719.592</b>
Tăng vốn trong năm nay	270.247.217.000		-	-	-	-	42.887.790.000	313.135.007.000
Lãi trong kỳ	-		-	-	41.190.925.169	-	14.705.046.848	55.895.972.017
Tăng khác	-		-	-	26.273.021.374	280.794.416	47.509.990.937	74.063.806.727
Chia cổ tức	-		-	-	-	-	(8.560.186.000)	(8.560.186.000)
Trích lập quỹ	-		16.104.891.131	-	(17.715.380.244)	-	(481.929.652)	(2.092.418.765)
Giảm khác	-		-	-	(11.916.786.032)	-	(1.598.775.464)	(13.515.561.496)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>640.247.217.000</b>		<b>17.285.108.010</b>	<b>-</b>	<b>50.537.775.343</b>	<b>393.713.491</b>	<b>212.661.525.231</b>	<b>921.125.339.075</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Thái Phong Nhã	490.000.000.000	76,53%	210.000.000.000	56,76%
Bà Thái Thị Ý	70.000.000.000	12,54%	80.000.000.000	21,62%
Ông Thái Sơn	80.247.217.000	12,53%	80.000.000.000	21,62%
<b>Cộng</b>	<b>640.247.217.000</b>	<b>102%</b>	<b>370.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	370.000.000.000	331.100.000.000
Vốn góp tăng trong năm	270.247.217.000	38.900.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	640.247.217.000	370.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		

**Cổ phiếu**

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>37.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>64.024.722</b>	<b>37.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	64.024.722	37.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>64.024.722</b>	<b>37.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	64.024.722	37.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	752.291.822	1.420.221.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	399.324.945	1.694.933.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.378.865	4.773.555.182
Doanh thu hoạt động sản xuất điện	191.646.752.052	69.816.816.313
<b>Cộng</b>	<b>192.903.747.684</b>	<b>77.705.525.998</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng	1.332.735.680	1.573.658.510
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.126.196.972	773.462.351
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Giá vốn hoạt động sản xuất điện	88.392.451.843	25.315.923.426
<b>Cộng</b>	<b>91.851.384.495</b>	<b>27.663.044.287</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.642.949.745	3.725.728.927
Lãi bán các khoản đầu tư	767.286.787	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	490.000.000	198.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	134.057.840	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.126.168.020	-
<b>Cộng</b>	<b>16.160.462.392</b>	<b>3.923.728.927</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	41.897.408.780	31.584.010.838
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	655.320.381	296.441.917
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	(381.320.172)	407.229.004
Chi phí tài chính khác	78.215.772	-
<b>Cộng</b>	<b>42.249.624.761</b>	<b>32.287.681.759</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.555.551.964	4.536.550.669
Chi phí bằng tiền khác	6.973.675.888	6.266.063.429
Phân bổ lợi thế thương mại	7.073.539.234	7.009.693.234
<b>Cộng</b>	<b>20.602.767.086</b>	<b>17.812.307.332</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án thủy điện Tiên Phong	2.400.000.000	-
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án thủy điện Ca Lôi	6.000.000.000	-
Các khoản khác	177.007.534	2.604.000
<b>Cộng</b>	<b>8.577.007.534</b>	<b>2.604.000</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản bị phạt	300.336.335	161.426.168
Chi phí chuyển nhượng Dự án thủy điện Tiên Phong	2.292.329.922	-
Chi phí chuyển nhượng Dự án thủy điện Ca Lôi	4.624.304.299	-
Chi phí giải phóng mặt bằng Cửa Lò không được cấp phép	1.742.768.981	-
Các khoản khác	1.102.860.759	84.594.258
<b>Cộng</b>	<b>10.062.600.296</b>	<b>246.020.426</b>

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Prime Quế Phong	75.534.016	-
Công ty CP Phát triển điện lực viễn thông Miền Trung	41.041.545	-
Công ty CP Thủy điện sông Nậm Cắn	275.139.140	-
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	4.046.997.919	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.438.712.620</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	41.190.925.169	29.126.969.397
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	41.190.925.169	29.126.969.397
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	53.468.840	36.345.311
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>770</b>	<b>801</b>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>770</b>	<b>801</b>

## 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	Giá gốc VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2017 Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.268.149.334	-	4.413.308.966	-
Phải thu khách hàng	55.841.964.491	(20.000.000)	14.863.625.200	-
Phải thu về cho vay	114.057.530.973	-	47.867.921.600	-
Phải thu khác	83.850.387.841	-	1.436.168.332	-
Đầu tư tài chính	5.586.864.181	(7.804.181)	89.412.065.476	(389.124.353)
<b>Cộng</b>	<b>281.604.896.820</b>	<b>(27.804.181)</b>	<b>157.993.089.574</b>	<b>(389.124.353)</b>

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	544.984.655.530	561.163.539.221
Phải trả người bán	59.135.348.855	13.345.785.566
Chi phí phải trả	11.857.883.946	-
Phải trả khác	89.301.903.812	641.514.158
<b>Cộng</b>	<b>705.279.792.143</b>	<b>575.150.838.945</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

---

### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### ***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

#### ***Rủi ro về lãi suất***

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### ***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

#### ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN**

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.268.149.334	-	-	22.268.149.334
Phải thu khách hàng	55.821.964.491	-	-	55.821.964.491
Phải thu về cho vay	114.057.530.973	-	-	114.057.530.973
Phải thu khác	83.075.845.596	774.542.245	-	83.850.387.841
Đầu tư tài chính	5.579.060.000	-	-	5.579.060.000
<b>Cộng</b>	<b>280.802.550.394</b>	<b>774.542.245</b>	<b>-</b>	<b>281.577.092.639</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.413.308.966	-	-	4.413.308.966
Phải thu khách hàng	14.863.625.200	-	-	14.863.625.200
Phải thu về cho vay	47.867.921.600	-	-	47.867.921.600
Phải thu khác	1.436.168.332	-	-	1.436.168.332
Đầu tư tài chính	32.491.700.000	-	56.531.241.123	89.022.941.123
<b>Cộng</b>	<b>101.072.724.098</b>	<b>-</b>	<b>56.531.241.123</b>	<b>157.603.965.221</b>

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	104.421.792.537	440.562.862.993	-	544.984.655.530
Phải trả người bán	59.135.348.855	-	-	59.135.348.855
Chi phí phải trả	8.467.327.160	3.390.556.786	-	11.857.883.946
Phải trả khác	89.301.903.812	-	-	89.301.903.812
<b>Cộng</b>	<b>261.326.372.364</b>	<b>443.953.419.779</b>	<b>-</b>	<b>705.279.792.143</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	126.654.190.353	434.509.348.868	-	561.163.539.221
Phải trả người bán	13.345.785.566	-	-	13.345.785.566
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	641.514.158	-	-	641.514.158
<b>Cộng</b>	<b>140.641.490.077</b>	<b>434.509.348.868</b>	<b>-</b>	<b>575.150.838.945</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 8.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

#### 8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Prime Trung Tín	Bà Đỗ Thu Hương là Kế toán trưởng Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Prime Trung Tín
Ông Thái Phong Nhã	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khánh Quyên	Phó Tổng Giám đốc

##### 8.2.2 Giao dịch với các bên liên quan trong năm

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>
<b>Công ty CP Prime Trung Tín</b>	
Thu tiền cung cấp dịch vụ	58.895.000
Tiền thu được từ đi vay	19.042.119.678
Trả tiền vay	21.220.000.000
Tiền lãi phải trả nhập gốc	601.014.678
Phải trả về giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu các hạng mục xây dựng Dự án thủy điện Châu Thắng	31.501.989.841
Phải trả về thuê ca máy	425.700.000
Số tiền đã thanh toán	9.235.389.210
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc</b>	<b>1.201.083.000</b>

### 8.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

### 8.3 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh sản xuất, truyền tải và phân phối điện và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.

### 8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



**Lê Thái Hưng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

Hương

**Đỗ Thu Hương**  
Kế toán trưởng

Hương

**Đỗ Thu Hương**  
Người lập biểu